

Số: 35/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 32/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn anh Kiều Tuấn T, sinh năm 1986; Số căn cước công dân: 001086051635, cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ: Tổ 3, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang và bị đơn chị Lê Bích N, sinh năm 1988; Số căn cước công dân: 002188001597, cấp ngày 13/4/2021; địa chỉ: Thôn Quyết Tâm, xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23/3/2026,

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Kiều Tuấn T và chị Lê Bích N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Kiều Tuấn T và chị Lê Bích N nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Kiều Tuấn T và chị Lê Bích N thỏa thuận, chị Lê Bích N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là các cháu Kiều Đức T1, sinh ngày 04/02/2012 và Kiều Trung K, sinh ngày 22/5/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Kiều Tuấn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000đồng/tháng/cháu, tổng cộng 6.000.000 đồng, phương

thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, người nhận tiền là chị Lê Bích N. Thời điểm giao con kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung: Anh Kiều Tuấn T và chị Lê Bích N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh Kiều Tuấn T và chị Lê Bích N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

- Về án phí: Anh Kiều Tuấn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0000366 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Văn;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, BP.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Vân**